

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSV Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 11/17/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này dựn bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh nhằm phục vụ công tác tổ chức đào tạo, tư vấn tuyển sinh, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các khoa, viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các khoa, viện;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.



BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ

Ngành: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*(Ban hành theo Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:

Tên tiếng Việt: Quản lý nhà nước

Tên tiếng Anh: State management

2. Mã số ngành đào tạo:

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản lý nhà nước

Tên tiếng Anh: The Bachelor of State Administration

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn

7. Chương trình đối sánh:

8. Hình thức đào tạo: Chính quy – Tập trung

9. Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt

10. Thông tin tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả thi THPTQG; Xét học bạ THPT
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 30 – 50 sinh viên/năm

11. Điều kiện nhập học:

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Quản lý nhà nước
- Đảm bảo sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo
- Đáp ứng những tiêu chuẩn của Trường Đại học Vinh

12. Điều kiện tốt nghiệp

- Chấp hành các quy định trong toàn khóa học;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 126 tín chỉ trong chương trình đào tạo

- Điểm chung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (*theo thang điểm 4*)

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục Thể chất

13. Ngày ban hành:

14. Phiên bản chỉnh sửa:

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân có kiến thức cơ bản về quản lý, kiến thức chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước về các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội; có các kỹ năng, thái độ cần thiết để thực thi công việc quản lý hành chính thuộc khu vực công hoặc khu vực tư.

Sau khi tốt nghiệp, sinh đáp ứng các yêu cầu chuẩn đầu ra, trở thành những cán bộ, công chức chuyên nghiệp và sáng tạo, có khả năng chuyên môn để giải quyết các công việc, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và Nhân dân.

III. Chuẩn đầu ra:

- Kiến thức và lập luận ngành:

Nắm vững kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức tổng hợp về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, kiến thức về quản lý nhà nước; nắm vững kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý nhà nước.

- Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp:

Có các kỹ năng cần thiết như: lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng bố trí nhân sự, kiểm tra, đánh giá về nhân sự; soạn thảo các loại văn bản quản lý nhà nước, văn bản hành chính; tổ chức công sở, phòng làm việc khoa học, tổ chức hội họp, tiếp khách; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu cơ quan; giao tiếp, làm việc nhóm...

Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm.

- Năng lực thực hành nghề nghiệp: Hình thành các ý tưởng trong công tác quản lý nhà nước; xây dựng các kế hoạch, dự án, chương trình, kế hoạch quản lý; tổ chức, triển khai các hoạt động quản lý; kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý nhà nước.

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 127 TC, trong đó:

4.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 49 tín chỉ

4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: 21 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Ngoại ngữ 1	3
7	Ngoại ngữ 2	4
8	Tin học	3
	Tổng	21

4.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: 28 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	3
2	Lôgic hình thức	3
3	Lý luận về nhà nước và pháp luật	4
4	Lịch sử văn minh thế giới	3
5	Tâm lí học đại cương	3
6	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3

8	Xã hội học đại cương	3
9	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	3
	Tổng	28

4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ

4.1.1. Kiến thức cơ sở ngành: 43

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Luật hiến pháp	4
2	Đại cương về quản lý nhà nước	3
3	Tác phẩm Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	5
4	Kinh tế học đại cương	4
5	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	4
6	Triết học	4
7	Pháp luật Việt Nam	4
8	Hành chính học	4
9	Luật hành chính	5
10	Luật kinh tế	4
11	Tự chọn 1	2
	Tổng	43

4.1.1. Kiến thức chuyên ngành: 35

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	PPNCKH ngành Quản lý nhà nước	4
2	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	4
3	Chính với quản lý xã hội	4
4	Chính sách công	3
5	Khoa học quản lý	3
6	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	3
7	Quản lý nhà nước về kinh tế	4
8	Quản lý nhà nước về tài chính	3
9	Tự chọn 2	2
10	Thực tập cuối khóa	5
	Tổng	35

- Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

- Giáo dục quốc phòng – an ninh: 8 tín chỉ

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/ Tự học	Chia theo năm/học kỳ								
					Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		
					Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8	
1	HIS20001	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	3	30/15/90	x								
2	POL20001	Lôgic hình thức	3	30/15/90	x								
3	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30/15/90	x								
4	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30/15/90	x								
5	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	4	40/20/120	x								
6	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin	5	50/25/150		x							
7	INF20002	Tin học	3	30/15/90		x							
8	SOW20001	Xã hội học đại cương	3	30/15/90		x							
9	LAW20002	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	3	30/15/90		x							
10	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3	30/15/90		X							
11	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45/0/90		1-3							
12	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 2	2	30/0/60		1-3							
13	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 3	3	15/30/90		1-3							
14	SPO10001	Giáo dục thể chất	5	15/60/150		1-3							
15	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20/10/60			x						
16	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30/15/90			x						
17	HIS20004	Tiền trình lịch sử Việt Nam	3	30/15/90			x						
18	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45/15/120			x						
19	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30/15/90			x						
20	LAW30006	Luật hiến pháp	4	40/20/120				x					
21	POL20004	Đại cương về quản lý nhà nước		30/15/90				x					
22	POL20005	Tác phẩm Mác- Lênin và Hồ Chí Minh về nhà		30/15/90				x					
23	POL20005	Kinh tế học đại cương	4	40/20/120				x					
24	POL20005	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	4	40/20/120					x				

25	POL20005	Triết học	4	40/20/120					x			
26	LAW30007	Pháp luật Việt Nam	4	40/20/120					x			
27	LAW30008	Hành chính học	4	40/20/120						x		
28	LAW30009	Luật hành chính	5	50/25/150						x		
29	LAW30010	Luật kinh tế	4	40/20/120						x		
30	POL20006	Tự chọn 1	2	15/5/40						x		
31	POL20007	PPNCKH ngành Quản lý nhà nước	4	40/20/120						x		
32	POL20008	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	4	40/20/120						x		
33	POL20009	Chính với quản lý xã hội	4	40/20/120						x		
34	POL20010	Chính sách công	3	30/(15)/90						x		
35	POL20011	Khoa học quản lý	3	30/(15)/90							x	
36	POL20012	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	3	30/(15)/90							x	
37	POL20013	Quản lý nhà nước về kinh tế	4	40/20/120							x	
38	POL20014	Quản lý nhà nước về tài chính	3	30/15/90							x	
39	POL20015	Tự chọn 2	2	15/5/40							x	
40		Thực tập cuối khóa	5									x

4.3. Mô tả học phần

4.3.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương chung. Ngoài phần mở đầu giới thiệu khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung học phần gồm 3 chương: chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Học phần nhằm trang bị cho người học những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin, qua đó bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học.

4.1.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương chung nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, về nền kinh tế hàng hoá, kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội.

Kết cấu môn học gồm 3 tín chỉ, 6 chương, trong đó, chương I và chương II trình bày nội dung trọng tâm của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác; chương III trình bày những nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản

độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước của V.I.Lênin; chương IV, V khái quát những nội dung cơ bản của nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và chương VI khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương chung nhằm giúp người học nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tính cách là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; là sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại nhằm giải phóng giai cấp, xã hội và con người.

4.1.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương chung nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Học phần góp phần xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

4.1.5. Logic hình thức

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về các hình thức của tư duy và mối liên hệ giữa chúng về mặt giá trị chân lý, nhằm xác lập các qui luật, qui tắc cho tư duy mà việc tuân thủ chúng là điều kiện không thể thiếu để đạt tới tri thức đúng đắn về đối tượng. Trên cơ sở phân tích các yếu tố cấu thành và các thao tác cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận và chứng minh, lôgic hình thức vạch ra 4 qui luật cơ bản của tư duy (quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ), và một hệ thống các qui tắc cụ thể, chặt chẽ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của tư duy, mà trọng tâm là nhóm các qui tắc suy luận diễn dịch.

4.1.6. Triết học

4.1.6. Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn bản và kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật, qua đó hình thành ở người học kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thực thi công việc.

4.1.7. Pháp luật Việt Nam

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật; nghiên cứu những vấn đề cơ bản về pháp luật qua các giai đoạn lịch sử; đi sâu nghiên cứu hiến pháp và pháp luật Việt Nam hiện nay.

4.1.8. Hành chính học

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về hành chính; trình bày những vấn đề cơ bản về hành chính và nền hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những vấn đề lý luận về cải cách hành chính, thực tiễn cải cách nền hành chính ở nước ta và những vấn đề cơ bản về công chức, công vụ, công sở ở Việt Nam; những vấn đề về công tác văn bản hành chính - văn phòng.

4.1.9. Đại cương về quản lý nhà nước

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và khái quát về quản lý nhà nước như: mục đích, yêu cầu, đối tượng, các nguyên tắc, nội dung, phương thức quản lý nhà nước.

4.1.10. Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối ngành nhằm trang bị cho người học những hiểu biết về những quan điểm về nhà nước trong một số tác phẩm tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống lịch sử hình thành, phát triển cũng như nội dung và ý nghĩa của các quan điểm về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin.

4.1.11. Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam

Học phần Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho người học khái quát về lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước trên thế giới, đi sâu nghiên cứu toàn bộ quá trình xây dựng và những đặc điểm cơ bản của chính quyền nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ khi dựng nước tới nay. Nội dung của học phần gồm: Sơ lược lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước trên thế giới (phương Đông, phương

Tây); Chính quyền nhà nước ở Việt Nam qua các thời kỳ: thời Hùng Vương, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ, thời Pháp thuộc và Chính quyền nhà nước kiểu mới (từ 1945 đến nay). Bên cạnh việc cung cấp kiến thức, học phần còn giúp người học hình thành các kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử, phân tích sự tiến bộ của nhà nước và chính quyền nhà nước ở Việt Nam, từ đó góp phần tích cực vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

4.1.12. Kinh tế học đại cương

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về cách thức vận hành của nền kinh tế nói chung và cách ứng xử của từng thành viên tham gia vào nền kinh tế nói riêng. Trong đó, kinh tế học vi mô nghiên cứu bản chất của các hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật kinh tế thị trường. Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu hoạt động của toàn bộ nền kinh tế trên các phương diện: sản lượng và tăng trưởng kinh tế; việc làm và thất nghiệp; sự biến động của mức giá cả chung; thu nhập ròng nhận được từ thương mại và tài chính quốc tế.

4.1.13. Khoa học quản lý

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc cơ bản của quá trình quản lý, cũng như công nghệ và kỹ thuật trong quá trình quản lý.

4.1.14. Phương pháp NCKH ngành quản lý nhà nước

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về phương pháp luận chung, cũng như các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động quản lý nhà nước.

4.1.15. Chính sách công

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về chính sách, chính sách công; chu trình chính sách công; quan hệ giữa thực thi chính sách công và các lĩnh vực học khác.

4.1.16. Chính trị với quản lý xã hội

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về quản lý xã hội, chủ thể quản lý xã hội, thể chế quản lý xã hội, những nguyên tắc, phương pháp và hình thức quản lý xã hội của các chủ thể chính trị, các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong quản lý xã hội.

4.1.17. Luật hiến pháp

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự ra đời của hiến pháp trong lịch sử; chế độ chính trị nước CHXHCNVN; chế độ kinh tế; chế độ văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ; chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh; quốc tịch Việt Nam; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.

4.1.18. Quản lý nhà nước về kinh tế

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về quản lý kinh tế; các quan điểm, nguyên tắc và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế; phân tích phương thức lãnh đạo của Đảng đối với quản lý kinh tế; chức năng quản lý kinh tế cũng như bộ máy, thể chế, cơ chế, công cụ quản lý kinh tế của nhà nước.

4.1.19. Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: quản lý tài sản nhà nước; quản lý nhà nước về hải quan; quản lý nhà nước về dân số và lao động; quản lý nhà nước về văn hoá; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo; quản lý nhà nước về đối ngoại...

V. Ma trận các kỹ năng

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá: Thang điểm 4

6.2. Quy định cách thức đánh giá: đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần (thi hoặc làm bài thu hoạch)

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số TC dự kiến đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Trần Việt Quang, 1963, Viện trưởng	PGS, 2014	TS, VN, 2009	Triết học	- Triết học - Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước - Chính trị với quản lí xã hội
2	Nguyễn Thái Sơn, 1969, Phó Viện trưởng	PGS, 2013	TS, VN, 2001	Triết học	- Triết học - Khoa học quản lí - Logic học
3	Hắc Xuân Cảnh, 1979, Phó Viện trưởng	GVC, 2018	TS, 2012	Lịch sử, Lịch sử thế giới	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam
4	Bùi Văn Hào, 1962, Trưởng bộ môn	PGS, 2016	TS, VN, 2011	Lịch sử, Lịch sử thế giới	Nhập môn khoa học XH&NV
5	Đặng Thị Minh Lý, 1976, Phó Viện trưởng	GVC, 2019	TS, VN, 2018	Xã hội học	- Nhập môn khoa học XH&NV - Xã hội học đại cương
6	Phùng Văn Nam, 1979,	GV	ThS, VN, 2015	Xã hội học	- Xã hội học đại cương

	Phó trưởng bộ môn				- Kỹ năng làm việc nhóm
7	Nguyễn Thị Diệp, 1969	GVC, 2013	ThS, VN, 2003	Kinh tế chính trị	Quản lý nhà nước về kinh tế
8	Nguyễn Thị Hải Yến, 1982	GVC, 2018	TS, VN, 2018	Kinh tế chính trị	- Kinh tế học đại cương - Chính sách công
8	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1974	GVC, 2013	ThS, VN, 2004	Kinh tế chính trị	Kinh tế học đại cương
9	Đình Trung Thành, 1970, Phó trưởng phòng	PGS, 2018	TS, VN, 2009	Kinh tế chính trị	- Quản lý nhà nước về kinh tế - Chính sách công
10	Nguyễn Văn Trung, 1978, Trưởng bộ môn	GVC, 2017	TS, VN, 2013	Lịch sử Đảng	Đại cương về quản lý nhà nước
11	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	GV	ThS, VN, 2007	Chính trị học	- Đại cương về quản lý nhà nước - Kỹ năng tổ chức công sở
12	Đình Thế Định, 1958	PGS, 2014	TS, VN, 2003	CNXHKH	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước
13	Phan Văn Tuấn, 1984	GV	TS, VN, 2017	Chính trị học	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước
14	Dương Thị Mai Hoa, 1988	GV	ThS, VN, 2009	Lịch sử Đảng	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam
15	Trần Cao Nguyên, 1982	GV	TS, VN, 2017	Lịch sử Đảng	Phương pháp luận NCKH ngành QLNN
16	Trương Thị Phương Thảo, 1982	GV	ThS, VN, 2008	Triết học	- Phương pháp luận NCKH ngành QLNN - Văn hóa công sở và đạo đức công vụ
17	Vũ Thị Phương Lê, 1975, Trưởng bộ môn	GVC, 2013	TS, VN, 2013	CNXHKH	Phương pháp luận NCKH ngành QLNN
18	Lê Thị Thanh Hiếu, 1988	GV	ThS, VN, 2016	Chính trị học	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ
19	Bùi Minh Thuận, 1978	GVC, 2018	TS, VN, 2016	Dân tộc học	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ
20	Nguyễn Thị Lê Vinh, 1988	GV	ThS, CH Pháp, 2011	Chính trị học	- Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ - Tổ chức chính quyền cơ sở
21	Nguyễn Văn Sang, 1984	GV	TS, VN, 2017	Triết học	Triết học
22	Nguyễn Thị Thu Cúc	GVC, 2016	TS, VN, 2016	Kinh tế học	Quản lý nhà nước về tài chính
23	Võ Thanh Cương	GVC, 2018	TS, VN, 2017	Kinh tế học	Quản lý nhà nước về tài chính
24	Lê Thị Nam An, 1980	GV	ThS, VN, 2008	Triết học	- Văn hóa công sở và đạo đức công vụ
23	Võ Thị Hoài Thương, 1987	GV	TS, VN, 2018	Lịch sử VN	- Văn hóa công sở và đạo đức công vụ
25	Phạm Thị Bình, 1971, Trưởng bộ môn	GVC, 2013	TS, VN, 2013	Triết học	- Triết học - Kỹ năng tổ chức công sở
26	Phạm Thị Oanh, 1985	GV	ThS, VN, 2015	Xã hội học	Kỹ năng làm việc nhóm

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường)
- Phòng thí nghiệm, thực hành: Studio dùng chung với Trung tâm sản xuất học liệu và Ban Truyền thông trường.
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường)
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa – thể thao, ... (dùng chung toàn trường)

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đây là chương trình khung, trình bày vắn tắt những nội dung cơ bản để đào tạo đại học cử nhân chính qui ngành Quản lý nhà nước với thời lượng 4 năm.

- Trên cơ sở chương trình này, các tổ bộ môn sẽ phân công CBGD biên soạn đề cương chi tiết và bài giảng, tiến tới biên soạn hoàn chỉnh giáo trình từng môn học.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo Viện sẽ đề nghị Hiệu trưởng nhà trường điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với yêu cầu xã hội, ngành và điều kiện của trường, khoa. Mức độ điều chỉnh tối đa là 10% mỗi năm.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Đinh Xuân Khoa